

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 467/2020/DS-PT
Ngày: 30-12-2020
“V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Thu.

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 480/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Ngọc N (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Ngọc N:

1/ Ông Lâm Hồng Nh, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Số 925/70/2 khu phố Nhơn Hậu 1, phường TKh, thành phố TA, tỉnh LA.

2/ Bà Lâm Thị Xuân D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 180 ấp Hòa Ngãi, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố TA, tỉnh LA

3/ Ông Lâm Xuân H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 925/70/2 khu phố Nhơn Hậu 1, phường TKh, thành phố TA, tỉnh LA.

4/ Bà Lâm Thị Yến O, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 925/70/2 khu phố Nhơn Hậu 1, phường TKh, thành phố TA, tỉnh LA.

5/ Bà Lâm Thị Ngọc M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 220/15 Phạm Văn Ngô, phường TKh, thành phố TA, tỉnh LA.

6/ Bà Lâm Thị Yến Ph, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 227/21A đường Liên tỉnh 5, P5, Q5, Thành phố HCM.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu phố Nhơn Hậu 1, phường TKh, thành phố TA, tỉnh LA.

Bị đơn:

1/ Ông Lương Trung Tr, sinh năm 1942.

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1943.

Cùng địa chỉ: Số 222 Phạm Văn Ngô, phường TKh, thành phố TA, tỉnh LA.

Người kháng cáo: Ông Lương Trung Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ L.

(Ông T, ông Tr, bà L có tại phiên tòa; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 của bà Lương Ngọc N, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Đỗ Minh T là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N trình bày: Được sự đồng ý của ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L nên vào ngày 04/01/2019 bà Lương Ngọc N tiến hành làm đường nước ngầm có hố ga qua phần đất do ông Tr và bà L đứng tên. Ông Tr và bà L đồng ý mở cửa rào để kube và thợ hồ vào thi công đường nước nói trên. Trong lúc làm đường nước thì ông Tr có đem ống nước ra gắn vào đường nước để sử dụng chung. Khi thi công gần xong, chỉ còn 1 hố ga, ông Tr và bà L đổi ý và kêu dừng lại để ký kết hợp đồng với nội dung giao 2 hố ga và đường ống cho ông Tr và bà L quản lý làm chủ và hoàn trả lại chi phí cho bà N. Sau đó ông Tr và bà L lại đổi ý yêu cầu tháo dỡ đường ống nước ngầm và lấp hố ga lại không cho bà N sử dụng.

Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lương Ngọc N yêu cầu ông Tr và bà L trả lại tiền chi phí làm đường nước ngầm với số tiền là 56.621.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L thống nhất trình bày:

Vào năm 2018, bà Lương Ngọc N có nói với ông Tr và bà L xin làm đường nước để sản xuất nông nghiệp. Do bà N là chị ruột của ông Tr nên hai bên không có làm hợp đồng về quy cách của đường nước. Ngày 04/01/2019, bà N cho con rể là ông Đỗ Minh T làm đường nước ngầm nói trên nhưng không theo ý kiến của ông Tr và bà L nên ông Tr và bà L yêu cầu dừng thi công để ký hợp đồng. Do bà N không đồng ý ký hợp đồng nên ông Tr và bà L không cho thi công tiếp và lấp lại hố ga không cho bà N sử dụng. Việc bà N xây dựng đường nước nhưng

không ký hợp đồng theo thỏa thuận trước đó nên ông Tr và bà L không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã căn cứ vào các Điều 5, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, 244, 266, 271, 272, 273, 278, 280, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, 587, 588, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Ngọc N đã chết) đối với ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Buộc ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L liên đới bồi thường cho các nguyên đơn ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Ngọc N đã chết) số tiền là: 28.310.500 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.800.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng là 2.400.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng số tiền chi phí tố tụng là 4.800.000 đồng, buộc ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải hoàn trả lại cho các nguyên đơn ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Ngọc N đã chết) số tiền là 2.400.000 đồng.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bị đơn ông Lương Trung Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph liên đới chịu 708.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 04/9/2020, ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L kháng cáo không bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên do ngày 23/3/2018 nguyên đơn có giấy cam kết sẽ hợp đồng đặt ống ngầm, hố ga như vậy bị đơn không có

lỗi nên không bồi thường; yêu cầu nguyên đơn di dời đường ống ngầm, hố ga đang xây dựng dở dang trên đất của ông bà để không ảnh hưởng về sau; yêu cầu thẩm định giá lại tài sản khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại của nguyên đơn làm cơ sở xét xử phúc thẩm.

Phản tranh luận tại phiên toà phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày tranh luận: Bà và ông Lương Trung Tr không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía nguyên đơn. Bởi vì trước đây bà Lương Ngọc N có làm tờ giấy cam kết với vợ chồng bà, đồng thời hai bên là bà con với nhau nên vợ chồng bà tin tưởng để bên bà N làm đường ống lấy nước. Tuy nhiên, sau khi bà N chết, nội bộ trong gia đình bà N cũng bất H, không thống nhất như cam kết ban đầu của bà N. Hiện nay, gia đình bên bà N mà đại diện là ông Đỗ Minh T có thể lấy nước canh tác ruộng ở nhiều vị trí khác nhau, điển hình như kênh T3 mà không cần sử dụng đến đường ống nước trong đất nhà gia đình bà. Trước đây, vợ chồng bà đồng ý để cho bên bà N làm đường ống vì tin tưởng nhau, còn hiện nay việc làm ống nước này ảnh hưởng đến gia đình bà. Bên cạnh đó, tại Ủy ban phường thì hợp đồng làm đường ống nước cũng được chính quyền xác nhận là hết hiệu lực. Nay vợ chồng bà không đồng ý bồi thường và yêu cầu tháo dỡ đường ống nước trong đất nhà bà. Vì vợ chồng bà không có nhu cầu sử dụng đường nước này nên buộc vợ chồng bà bồi thường là không hợp lý mà còn làm ảnh hưởng đến gia đình bà. Khi vợ chồng bà thuê kube để móc đường ống nước này lên thì ông T còn ngang nhiên chửi bới, đe dọa làm thợ kube hoảng sợ bỏ về, mà đến nay vợ chồng bà vẫn phải trả tiền công nhật cho họ. Trong khi vợ chồng bà đã lớn tuổi, không làm gì có thu nhập. Đối với kết quả định giá lại vợ chồng bà nhận thấy có sự không trùng khớp thực tế, vì hôm hội đồng định giá xuống thực địa thì nước ngập cao quá nên không nhìn thấy rõ nhưng vợ chồng bà không khiếu nại gì, chỉ nói để Hội đồng xét xử biết.

Ông Lương Trung Tr trình bày tranh luận: Sức khỏe của ông yếu nên ông ủy quyền cho vợ của ông là bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày. Ông chỉ nói rõ hơn là bà N xây dựng đường ống nước như vậy là xâm phạm chủ quyền đất đai của ông nên ông không đồng ý bồi thường.

Ông Đỗ Minh T trình bày tranh luận: Ông đề nghị giữ y như án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Đầu năm 2019, bà N có thi công đường nước ngầm và 02 hố ga trên phần đất của ông Tr bà L là có sự đồng ý của ông Tr bà L, tuy nhiên hai bên không có ký hợp đồng thỏa thuận quy cách đường nước cũng như thiết kế kỹ thuật nên mới xảy ra tranh chấp. Khi bà N tiến hành thi công được 90% đường nước thì ông Tr bà L

không cho thi công và lấp hố ga, không cho bà N sử dụng Na. Do hai bên không ký hợp đồng trước khi thi công đường nước là lỗi của cả hai bên nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ giá trị thiệt hại là có cơ sở.

Bà N xác định chi phí bỏ ra làm công trình đường ống nước là 56.321.000 đồng; kết quả định giá của Tòa án cấp sơ thẩm thì giá trị công trình là 58.710.000 đồng; kết quả định giá của Tòa án cấp phúc thẩm thì giá trị công trình là 50.105.000 đồng. Xét thấy kết quả định giá của Tòa án cấp phúc thẩm thấp hơn kết quả định giá của Tòa án cấp sơ thẩm và thấp hơn chi phí do bà N xác định nên để khách quan cần lấy giá trị bình quân 2 lần định giá để xác định số tiền bồi thường. Giá trị bình quân 2 lần định giá là 54.407.500 đồng $[(58.710.000 \text{ đ} + 50.105.000 \text{ đ}) : 2]$. Như vậy, ông Tr, bà L phải liên đới bồi thường cho các nguyên đơn $\frac{1}{2}$ giá trị bình quân 2 lần định giá là 27.203.750 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông Tr, bà L; đề nghị Hội đồng xét xử cải sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của bà L, ông Tr như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L kháng cáo hợp lệ và trong thời hạn pháp luật quy định là đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ông Lâm Xuân H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm trình bày hình thức bản án chưa đúng với mẫu bản bản dân sơ thẩm được hướng dẫn tại Mẫu số 52 được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như ý kiến của Viện kiểm sát và các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất lẽ ra phải được ghi tại phần “nội dung vụ án” nhưng lại ghi tại phần “nhận định của Tòa án”; đồng thời án sơ thẩm không ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại “Tờ tường trình” ngày 03/6/2020 của ông Tr, bà L thể hiện “vào *trung tuần tháng 01-2019* bà N xin tôi cho Kube móc đất và tên T-rể bà N vào *vuông nhà* tôi có rào làm đường nước ngầm và 2 hố ga. Do tình hình bà N xin làm đường nước ngầm, do có bà con, tôi chưa làm và ký hợp đồng...”. Đồng thời, tại giấy cam kết ngày 20/3/2018 của bà Lương Ngọc N có đoạn “Tôi sẽ *hợp đồng với ông Tr để đặt ống ngầm hố ga (theo tờ hợp đồng có ghi đầy đủ điều kiện)*”. Như vậy, vợ chồng ông Tr, bà L thống nhất cho bà N thi công đường nước ngầm đi qua phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Tr, bà L. Ông Tr, bà L cho rằng phía bà N không chịu ký hợp đồng nên yêu cầu ngừng thi công là không đúng pháp luật. Bởi lẽ, hợp đồng dân sự không nhất thiết phải là hợp đồng bằng văn bản. Khi ông Tr, bà L và bà N thỏa thuận cho bên phía bà N làm đường nước ngầm và 2 hố ga để dẫn nước vào phần đất của bà N (phía sau phần đất thuộc

quyền sử dụng của ông Tr, bà L) là các bên đã xác lập hợp đồng bằng lời nói theo Điều 119, 385 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, sự thỏa thuận của các bên không đầy đủ, rõ ràng dẫn đến tranh chấp ngừng thi công là lỗi của hai bên như đại diện Viện kiểm sát nhận định là phù hợp.

[2.2] Đường nước ngầm và 2 hố ga được xây dựng cố định trên cơ sở đồng ý của ông Tr, bà L nên ông Tr, bà L yêu cầu phía bà N tháo dỡ, di dời toàn bộ hệ thống đường nước ngầm và 2 hố ga là không có cơ sở chấp nhận mà cần giao cho ông Tr, bà L được quyền sở hữu nhưng án sơ thẩm chỉ buộc ông Tr, bà L bồi thường cho phía bà N là chưa đầy đủ.

[2.3] Theo Chứng thư thẩm định giá số 029/20/BĐS-DV ngày 26/02/2020 của Công ty TNHH giám định và thẩm định giá Thương Tín thì hệ thống đường cống ngầm và 02 hố ga là 58.701.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/11/2020, ông Tr, bà L yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp. Tại Chứng thư thẩm định giá số 2020024.IVC-CT ngày 10/12/2020 của Công ty Cổ phần đầu tư & thẩm định giá Hội Nhập thì hệ thống đường cống ngầm và 02 hố ga có giá là 50.105.000 đồng nên cần lấy giá trị bình quân 2 lần định giá để xác định số tiền bồi thường. Giá trị bình quân 2 lần định giá là 54.407.500 đồng $[(58.710.000 \text{ đ} + 50.105.000 \text{ đ}) : 2]$. Như vậy, ông Tr, bà L phải liên đới bồi thường cho các nguyên đơn $\frac{1}{2}$ giá trị bình quân 2 lần định giá là 27.203.750 đồng.

Từ đó, thấy rằng kháng cáo của bị đơn ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L là có cơ sở một phần và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, bị đơn có yêu cầu định giá, thẩm định lại tài sản nhưng việc thay đổi về giá rất ít nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần cần cải sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Cải sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã căn cứ vào các Điều 5, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, 244, 266, 271, 272, 273, 278, 280, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, 587, 588, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 26 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Ngọc N đã chết) đối với ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với số tiền 27.201.487 đồng.

[2] Buộc ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L liên đới bồi thường cho các nguyên đơn ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Ngọc N đã chết) số tiền là: 27.201.487 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Ngọc N đã chết) đối với ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với số tiền 29.419.513 đồng.

[4] Ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L được quyền sở hữu đường ống nước và 02 hồ ga như được miêu tả tại phần Phụ lục của Chứng thư thẩm định giá số 029/20/BDS-DV ngày 26/02/2020 của Công ty TNHH giám định và thẩm định giá Thương Tín.

[5] Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm:

Buộc ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Ngọc N đã chết) số tiền là 2.400.000 đồng (đã nộp xong).

Buộc ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 2.400.000 đồng để hoàn trả lại cho các nguyên đơn ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lương Ngọc N đã chết) đã tạm ứng trước.

[6] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Buộc ông Lương Trung Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 5.200.000 đồng (đã nộp xong).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lâm Hồng Nh, bà Lâm Thị Xuân D, ông Lâm Xuân H, bị đơn ông Lương Trung Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Buộc bà Lâm Thị Yến O, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Lâm Thị Yến Ph liên đới chịu 735.500 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Lương Trung Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ L.

[9] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cảnh